

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD5	7:25	17+5	0+0		15+7	0+0	
2		P9+BK6	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
3		VSP01+P9+BK3	7:25	7+10+5	0+0+0		4+10+8	0+0+0	
4		TD2	7:25	12	0		12	0	
5		P10+BK10	7:25	16+5	0+0		14+8	0+0	
6		P9+TD5	9:25	14+7	0+0		13+9	0+0	
7		P2+BK15	9:25	13+9	0+0		13+9	0+0	
8		P9+P2	9:25	8+10	0+0		1+21	0+0	
9		P11+BK4+CTK3	9:25	5+17+0	0+0+0		4+16+2	0+0+0	
10		P10	11:25	15	0		22	0	
11		TD2	11:25	9	0		8	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:31
FLIGHT: 01	TO: TD3 - TD5	CREW: HƯNG - XTrưởng - MQUÂN	ETA: 09:10
CAM-1			

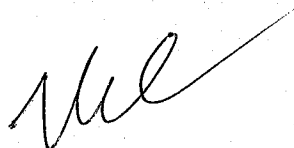
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANG VAN HAN	TD3	96	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	99	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN KHOA	TD3	95	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
4	DO DUY CHINH	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
5	VU HUNG ANH	TD3	89	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN LE KIEN	TD3	91	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
7	BUI CONG SON	TD3	93	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HUY THAI	TD3	92	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN TUAN ANH	TD3	97-98	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HUNG	TD3	900	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	HA VAN PHUC	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG HOANG LONG	TD3	90	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VAN THUONG	TD3	94	1	4	20	74	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUOC DAI	TD3	04-05	2	17		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN DONG	TD3	06	1	11	25	76	KH-THAC	Vietnamese
16	DINH VAN TAM	TD3	03	1	13		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN LE DANG QUANG	TD3	02	1	14		86	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VAN HIEU	TD5	24	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
19	KIEU TUAN ANH	TD5	83	1	8		70	CUC DKV	Vietnamese
20	ARUSHANOV S, V	TD5	25	1	9		104	KHOAN	Russian
21	HA THANH TUNG	TD5	84-85	2	11		85	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN TAN TAI	TD5	26	1	8		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

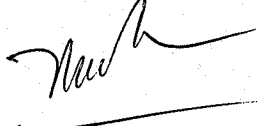
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	17	112	1.266	45	15		
2	TD5	5	6	39	399	0	7		
TOTAL		22	23	151	1.665	45	22		
WEIGHT KG				151	1.665	45			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

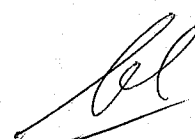
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P9 - BK6	CREW: Hạnh - Dương - Huy	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI TUÂN KIẾT	P9	66	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN TRỌNG TIỀN	P9	81	1	12		79	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN MẠNH	P9	79	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
4	TRINH HUY KHIEM	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN QUÊ	P9	74	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	77	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	70	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG THẾ DŨNG	P9	62	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TAM THUY	P9	75	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ LANG TÚ	P9	61	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN HUƠNG	P9	64-65	2	11	15	53	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ NAM GIANG	P9	71-72	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	83	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUÂN ANH	P9	63	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐÀ KHA	P9	69	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
16	HUY SAY	P9	85	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUY	P9	76	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH HIẾN	P9	78	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	80	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HỮU TRI	P9	82	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐỨC HẢI	P9	73	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI CÔNG THẮNG	P9	67-68	2	18		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	24	153	1.549	15	18		
2	BK6	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		22	24	153	1.549	55	22		
WEIGHT KG				153	1.549	55			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2021	TO: VSP01 - P9 - BK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Phong - XHOÀN - DTùng	ETA: 09:20
NAU-1			

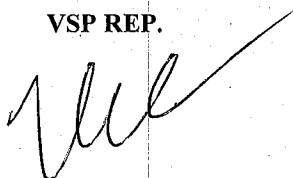
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU TOÀN	VSP01	71-72	2	15		79	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VĂN HẬU	VSP01	74	1	7		76	CTY LONG	Vietnamese
3	LE VĂN HAI	VSP01	78	1	6	29	60	CTY LONG	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH LUÂN	VSP01	73	1	7		92	CTY LONG	Vietnamese
5	THAI VĂN THỊNH	VSP01	75-76	2	15		60	CTY LONG	Vietnamese
6	VU QUANG HUY	VSP01	77	1	6		62	CTY LONG	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	33	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	29	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH THE NHAN	P9	36	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TOÀN	P9	23-24	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁC TUẤT	P9	26	1	7		71	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN TUÂN ANH	P9	31-32	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG AN	P9	30	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
14	CAO VĂN GIÁP	P9	34-35	2	12		81	XAYLAP	Vietnamese
15	PHÙNG QUANG ĐẠI	P9	25	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
16	TẠ VĂN CUÔNG	P9	27-28	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH GIAU	P9	37	1	3		65	PSV	Vietnamese
18	THAI HAI HA	BK3	81	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CHAU NAM	BK3	83	1	12	35	83	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI TRẦN VIỆT	BK3	84-85	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	82	1	5		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

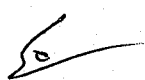
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	6	8	56	429	29	14	0	
2	P9	11	15	99	790	0	10	0	
3	BK3	4	5	33	267	35	8	0	
TOTAL		21	28	188	1.486	64	22	0	
WEIGHT KG				188	1.486	64			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2021	TO: TD2	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: KIÊN - Nam	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO XUÂN VANG	TD2					76	KHOAN	Vietnamese
2	BUI THỌ DƯƠNG	TD2	69-71	3	12		58	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH QUỐC KHANH	TD2	60	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH DUY HAI	TD2	67	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VIỆT LINH	TD2	65	1	6		102	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN VĂN DIỆP	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN KHÁC HA TRUNG	TD2	66	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VINH THUẬT	TD2	62	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	63-64	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN MINH	TD2	72	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	61	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN THUY	TD2	68	1	6		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	12	13	66	894	0	12		
	TOTAL	12	13	66	894	0	12		
	WEIGHT KG			66	894	0			

GRAND TOAL: 960 KGS

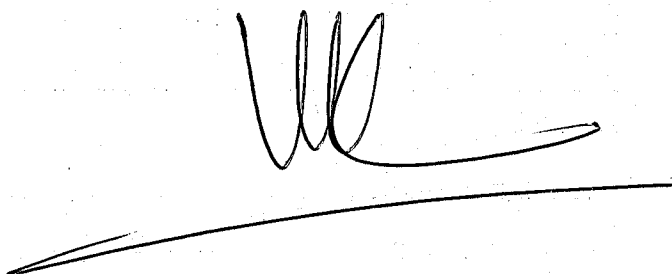
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	TO: P10 - BK10	CREW: ĐỨC - TĐông - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BADIKOV M.F.	P10	24	1	5		74	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VĂN THẮNG	P10	18	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ BAO TRUNG	P10	31	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG ĐÌNH QUÊ	P10	30	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	99	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	29	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HAI HÀ	P10	19-21	3	14		62	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	23	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG SY NGUYỄN	P10	16	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	27-28	2	8	50	78	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	22	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	P10	17	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	26	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	25	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	09	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	700	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	52	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	51	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	49	1	5	20	69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	50	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI CAO ĐỊNH	BK10	48	1	6		58	PSV	Vietnamese
22	TÔ HUU THANG	BK10	53	1	10		78	KTHAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	16	19	100	1.185	50	14		
2	BK10	6	6	41	393	20	8		
TOTAL		22	25	141	1.578	70	22		
WEIGHT KG				141	1.578	70			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2021	TO: P9 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong -	ETA: 11:10
XANH-2		MQUAN	

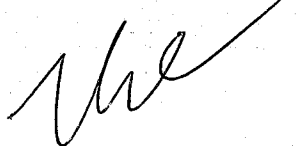
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NGOC THANG	P9	42-43	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HUNG	P9	500	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN VAN DUONG	P9	44	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VAN THUYET	P9	91	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DAU	P9	49	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
6	DO TIEN MANH	P9	38-39	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI VAN CHINH	P9	86	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
8	DINH VAN DUONG	P9	47-48	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN HUU THINH	P9	40-41	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
10	HO DUC HIEN	P9	45-46	2	20		51	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC MINH	P9	88	1	5		57	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CHIEU	P9	87	1	5		68	PSV	Vietnamese
13	DUONG VAN THU	P9	90	1	4		69	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN HAI TRUNG	P9	89	1	5		63	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN BA HOA	TD5	79	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THANH BINH	TD5	81	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TUAN ANH	TD5					79	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM TIEN CHUNG	TD5	68	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HUU LOC	TD5	82	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VINH DUY	TD5	80	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN THANH	TD5	78	1	5		61	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

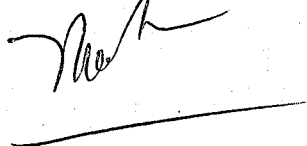
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	14	19	171	902	0	13		
2	TD5	7	6	29	494	0	9		
TOTAL		21	25	200	1.396	0	22		
WEIGHT KG				200	1.396	0			

GRAND TOAL: 1.596 KGS

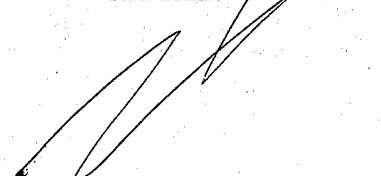
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	TO: P2 - BK15	CREW: Hạnh - Mạnh - Huy	ETA: 11:15
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM XUÂN VĨNH PHÚC	P2	64	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN ANH ĐỨC	P2	66	1	4	21	62	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ CÔNG ANH	P2	61	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TRI HAO	P2				35	70	KH-THAC	Vietnamese
5	BIÊN ĐĂNG SÂM	P2	58	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TÀ GIA SƠN	P2	63	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ HỮU LINH	P2	65	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG THÀNH TRUNG	P2	59	1	12		79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	67	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	70	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THIÊN NAM	P2	60	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI HOANG TÂM	P2	71	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG QUANG TÊ	P2	62	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
14	VOEVODCHENKOV N. V	BK15	21-22	2	10		95	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	18	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU TIẾN THANH	BK15	23	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN QUANG HOANG	BK15	20	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN MẠNH HÙNG	BK15	17	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ NGUYỄN TRUNG	BK15				35	48	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH HIỆU	BK15	13	1	10	15	67	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐOÀN QUANG TRUNG	BK15	15-16	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TRUNG	BK15	19	1	10		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	12	68	906	56	13		
2	BK15	9	10	84	634	50	9		
TOTAL		22	22	152	1.540	106	22		
WEIGHT KG				152	1.540	106			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	TO: P9 - P2	CREW: Phong - KHOÀN - DTùng	ETA: 11:20
VANG-2			

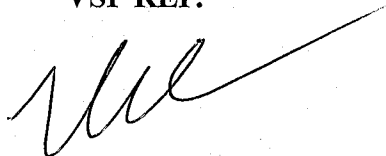
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU TUYET	P9	24	1	10		55	PSV	Vietnamese
2	PHAM TIEN PHUONG	P9	25	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN CONG HIEU	P9	26	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUAN	P9	27	1	9		73	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM NGOC DINH	P9	33-34	2	20		82	XAYLAP	Vietnamese
6	DUONG QUANG TRUNG	P9	32	1	10		95	XAYLAP	Vietnamese
7	VU QUOC VUONG	P9	28-29	2	11	37	77	XAYLAP	Vietnamese
8	DO MANH HUNG	P9	30-31	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
9	VU VAN DONG	P2	14	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM HIEN TRUONG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUC DUC	P2				5	73	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MINH QUAN	P2					74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM XUAN HOA	P2	16	1	7		78	YTE	Vietnamese
14	VU HONG QUANG	P2	19	1	8		78	PSV	Vietnamese
15	TRAN VAN DUC	P2					58	PSV	Vietnamese
16	LE XUAN DAM	P2	17	1	4		68	PSV	Vietnamese
17	BUI HUU TRI	P2	18	1	8		60	PSV	Vietnamese
18	BUI NGOC TAN	P2	15	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

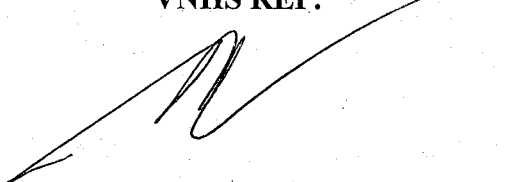
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	8	11	89	594	37	1		
2	P2	10	6	40	686	5	21		
TOTAL		18	17	129	1.280	42	22		
WEIGHT KG				129	1.280	42			

GRAND TOAL: 1.451 KGS

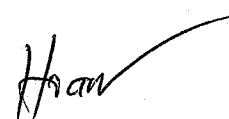
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2021	TO: P11 - BK4 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐông - TDUNG	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY HÀ	P11	52	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	P11	48	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG HIẾU	P11	49	1	5	20	56	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN LINH	P11	51	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HIỆN	P11	50	1	2		74	PSV	Vietnamese
6	TRẦN QUANG PHU	BK4	58-59	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
7	KURPASOV	BK4	52	1	10		72	KH-THAC	Russian
8	LÊ CÔNG VINH	BK4	51	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHAU	BK4					60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LONG	BK4	49	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN TUẤN	BK4	44	1	15	15	62	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN PHÚC NGUYỄN	BK4	29	1	10	45	78	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN HUY ANH	BK4	26-27	2	20	30	90	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG DUY DŨNG	BK4	47-48	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	BK4	46	1	5		74	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG NGOC SANG	BK4	23	1	11		54	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG THANH	BK4	50	1	20		80	XAYLAP	Vietnamese
18	LUONG XUAN QUANG	BK4	30	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐINH ĐỨC THIÊN	BK4	42-43	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC TÍNH	BK4	24	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI ĐẶC CANH	BK4	28	1	10		64	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HỮU	BK4	25	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	5	5	29	350	20	4		
2	BK4	17	20	195	1.158	90	16		
3	CTK3	0	0	0	0	15	2		
TOTAL		22	25	224	1.508	125	22		
WEIGHT KG				224	1.508	125			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	TO: P10	CREW: Hạnh - Mạnh - Huy	ETA: 13:15
HONG-3			

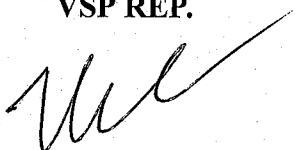
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	48	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
2	TRÌNH XUÂN QUÂN	P10	44	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HUU TRI	P10	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN BAO TOÀN	P10	42	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH CÔNG VĂN	P10	41	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG SỸ NGỌC	P10	46	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TÙNG VY	P10	45	1	11		67	DVL	Vietnamese
8	PHẠM VĂN SANG	P10	38-39	2	20		70	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P10	49	1	7		60	YTE	Vietnamese
10	HỒ NGỌC THANH	P10	40	1	5		56	PSV	Vietnamese
11	TRẦN VIỆT LY	P10	43	1	3		80	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN MINH	P10	32	1	6		80	PSV	Vietnamese
13	PHẠM THẾ CÔNG	P10	47	1	6		58	PSV	Vietnamese
14	ĐẠO VĂN DŨNG	P10	50	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	LÊ QUANG HÀ	P10	52	1	7		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

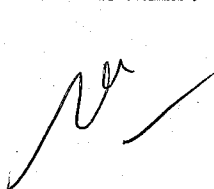
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	16	105	1.055	0	22		
	TOTAL	15	16	105	1.055	0	22		
	WEIGHT KG			105	1.055	0			

GRAND TOAL: 1.160 KGS

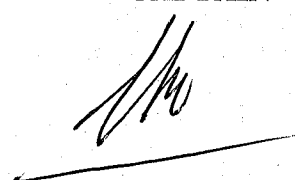
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	TO: TD2	CREW: MTiến - MMinh	ETA: 14:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC NGU-PVD	TD2	84	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÀO VĂN MINH-PVDT	TD2	76	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG MẠO	TD2	73	1	18		80	BAKERHU	Vietnamese
4	NGUYỄN QUYẾT QUYNH	TD2	74-75	2	17		65	BAKERHU	Vietnamese
5	PHẠM NGUYỄN THANH KHOA	TD2	99,200	2	18		72	BAKERHU	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUYEN	TD2	82-83	2	17		73	BAKERHU	Vietnamese
7	LÊ TRUNG SƠN	TD2	79-80	2	10		75	D-HANH	Vietnamese
8	MAKAROV	TD2	81	1	11		87	ANTOAN	Russian
9	TRẦN VĂN KÝ	TD2	77-78	2	12		66	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	9	14	111	655	0	8		
TOTAL		9	14	111	655	0	8		
WEIGHT KG				111	655	0			

GRAND TOAL: 766 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN